

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-PT

Ngày: 27-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Huân

Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 480/2023/TLPT-HS ngày 26/12/2023 đối với bị cáo Tống Thị N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Tống Thị N, sinh năm 1994 tại: tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố 02, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: 81/30-81/32 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tống Đức M và bà: Trịnh Thị L; có chồng: Nguyễn Kim T, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và con: 01 người, sinh 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ ngày: 16/4/2023. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống Thị N và Võ Ngọc Thu là nhân viên phục vụ nhà hàng CAUTA, số 78 Trần Quốc Thảo, phường Võ Thị Sáu, Quận 3. Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 10/4/2023 khi đang phục vụ dọn dẹp tại phòng Vip 1 của nhà hàng thì Thu và N

nhìn thấy điện thoại Iphone 14 Pro max màu tím của chị Trần Mai Thi để trên kệ tủ nên Thu rủ N lấy trộm điện thoại của chị Thi thì N đồng ý, rồi N đi ra khỏi phòng. Thu lấy điện thoại của chị Thi bỏ vào túi quần rồi đến phòng nhân viên cất điện thoại vừa lấy trộm được vào túi quần của N đang treo trong phòng nhân viên. Sau đó, N tiếp tục phục vụ tại phòng Vip 3 thì khoảng 30 phút sau Thu cũng vào Vip 3 cùng với 03 nữ phục vụ khác. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Thu nói với N đã để chiếc điện thoại lấy trộm của chị Thi vào túi quần của N để trong phòng nhân viên, rồi Thu về trước. N đi vào phòng nhân viên, thấy chiếc điện thoại Iphone của chị Thi bên trong túi quần thì N bỏ vào túi áo khoác rồi đem về nhà trọ tại số 81/32 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh.

Tại nhà trọ, N mở điện thoại của chị Thi nhưng không mở được do có mật khẩu nên N tắt nguồn điện thoại. Đến ngày 11/3/2023, N và Thu đến nhà hàng CAUTA để làm việc, trong lúc ngồi trong phòng nhân viên thì N, chị Thi cùng một số nhân viên nói chuyện về việc chị Thi bị mất điện thoại. N gợi ý và hỏi mật khẩu điện thoại của Thi và chị Thi có nói những thông tin quan trọng, mật khẩu, tài khoản ngân hàng đều lưu trong phần ghi chú của điện thoại. Sau khi hết giờ làm, N về nhà lấy điện thoại của chị Thi đăng nhập mật khẩu, mở được màn hình và vào mục ghi chú thấy mật khẩu của ngân hàng Techcombank do Thi đứng tên, nên N đăng nhập vào tài khoản thấy có số tiền khoảng 120.000.000 đồng. N nổi lòng tham muốn chiếm đoạt số tiền này, nhưng sợ bị phát hiện và biết ứng dụng đánh bạc online có thể nạp tiền vào tài khoản ứng dụng và rút tiền ra được, nên N tải app trò chơi đánh bạc online “sun52” vào máy của N, tạo tài khoản game. Sau đó, N dùng điện thoại của Thi đăng nhập vào tài khoản ngân hàng Techcombank, chuyển số tiền 120.000.000 đồng vào tài khoản 19029202955011 tên Nguyễn Văn Nhạn trong game đánh bạc online, diễn giải giao dịch là “Cuulon” (tên nhân vật trong game) rồi N lấy điện thoại của N vào game để thực hiện thao tác rút tiền nhưng không được. Do lo sợ nên N xóa game đánh bạc rồi vào phần cài đặt trong máy của chị Thi để thiết lập mật khẩu Face ID (mật khẩu khuôn mặt). Đến khoảng 02 giờ 14/4/2023, N mở điện thoại của chị Thi lên thì thấy hiện thông báo “điện thoại bị mất, Iphone này bị ăn trộm 0906001014” và điện thoại reo 2 - 3 tiếng tí rồi tự đổi mật khẩu máy từ 04 số “0209” thành 06 số, nên N tắt nguồn và cất giấu trong tủ quần áo ở phòng trọ của N. Qua theo dõi định vị Icloud, chị Thi thấy điện thoại đang định vị tại số 81/32 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh là nhà trọ của N nên chị Thi đến Công an phường Võ Thị Sáu, Quận 3 trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Tống Thị N và Võ Ngọc Thu khai nhận nội dung sự việc như trên.

Tại bản án Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 3 kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax 256 GB, thời điểm tháng 4/2023 có giá 25.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Mai Thi đã nhận lại điện thoại di động và đã được gia đình của bị can N bồi thường số tiền 120.000.000 đồng, nên xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 173 và điểm đ khoản 2 Điều 290; Điều 17 và Điều 58; Điều 55; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Tống Thị N.

Tuyên bố bị cáo Tống Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Tống Thị N 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù giam về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/4/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2023 bị cáo Tống Thị N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tống Thị N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Tống Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Bị cáo Tống Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới; với mức án 06 (sáu) tháng tù

về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tống Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, chỉ xin xem xét giảm hình phạt vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được mức án khoan hồng để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tống Thị N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng sơ hở của bị hại Trần Mai Thi, bị cáo N cùng bị cáo Thu lén lút lấy trộm điện thoại Iphone 14 Pro max trị giá 25.000.000 đồng và bị cáo N đã đem điện thoại trên cất giữ tại nhà. Hành vi của bị cáo Tống Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Sau khi có được điện thoại, bị cáo N tìm cách hỏi được mật khẩu dùng để đăng nhập vào điện thoại, tiếp đến tìm mật khẩu vào ứng dụng quản lý tài khoản ngân hàng Techcombank của chị Thi trong điện thoại. Do lo sợ chuyển tiền từ tài khoản của chị Thi đến tài khoản của bị cáo hoặc người thân của bị cáo sẽ bị dễ phát hiện, nên bị cáo thực hiện lệnh chuyển số tiền 120.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của chị Thi vào tài khoản 19029202955011 tên Nguyễn Văn

Nhận trong game đánh bạc online, với mục đích sẽ chuyển đến tài khoản của bị cáo, rồi bị cáo thực hiện thao tác rút tiền nhưng không được. Hành vi này của bị cáo Tống Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Do đó, bản án sơ thẩm số 94/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Tống Thị N về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp.

Bị cáo Tống Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay nêu ra tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân cũng như tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo N đã gây ra. Hình phạt trên đã đủ mức răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, nên giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Lập luận trên là căn cứ để chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tống Thị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm 94/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017:

Xử phạt bị cáo: Tổng Thị N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ: 16/4/2023.

[3] Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Tổng Thị N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 3; (1)
- P.PC53-CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án DS Quận 3; (2)
- TAND Quận 3; (1)
- Công an Quận 3; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (23) (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thụ